TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 26-3-2021

V/v tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiếp.

Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31-12-2020 và các ngày 27-01, 26-02, 26-3-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2018/TLST-DS ngày 17-7-2018 về "Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 08-12-2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-DS ngày 31-12-2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS ngày 27-01-2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS ngày 26-02-2021 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03-3-2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lâm Văn L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Lâm Thành V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lâm Hữu Ph, sinh năm 1930.

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Lâm Thành V và ông Lâm Hữu Ph đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lâm Văn L là anh Lâm Thành V: Trước đây ông L với ông Ph có tranh chấp quyền sử dụng đất với nhau, đến ngày 15-6-2000 được Ủy ban nhân dân (sau đây viết là UBND) tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng Quyết định số: 190/QĐ-UB-NĐ với nội dung: Chuẩn y quyết định số: 980/QĐ.UB ngày 29-10-1999 của UBND huyện Tân Hồng; công nhận diện tích 3.457,5m^2 đất (thuộc một phần thửa số 330, tờ bản đồ số 6, xã A, huyện Tân Hồng) cho ông Lâm Văn L được quyền sử dụng; buộc ông Lâm Hữu Ph phải di dời nhà giao lại phần diện tích đất nói trên cho ông Lâm Văn L. Nhưng ông Ph vẫn còn trồng cây bạch đàn, dừa và chuối trên đất của ông L nên đến ngày 09-7-2018 ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph phải di dời các loại cây của ông Ph gồm 20 cây bạch đàn, 15 gốc chuối dừa ra khỏi phần đất của ông L, ngày 07-11-2018 ông L khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Ph phải di dời tiếp 42 cây bạch đàn, 01 bụi tre, 03 gốc me chua, 55 cây chuối, 05 cây dừa ra khỏi phần đất của ông L đã được cấp quyền sử dụng có diện tích là 1.099,75m^2, thửa số 381, tờ bản đồ số 06, tọa lạc ấp D, xã A, huyện Tân Hồng.

Tại phiên tòa anh Lâm Thành V thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh V yêu cầu ông Lâm Hữu Ph phải chặt đốn, di dời 50 gốc bạch đàn đã mọc tược mới, 03 cây dừa, 01 bụi tre, 02 cây me chua, 02 cây me tây, 06 bụi chuối và 01 cây me nước (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02-3-2021) ra khỏi phần đất có diện tích là 653,2m^2, thuộc một phần thửa 381, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc ấp D, xã A, huyện Tân Hồng do ông Lâm Văn L đứng tên quyền sử dụng.

Đối với việc ông Ph yêu cầu ông L phải trả số tiền 50.000.000 đồng (tương ứng với số tiền 5.070.000 đồng vào năm 2004 ông L tự nguyện hỗ trợ cho ông Ph nhưng chưa hỗ trợ), anh V không đồng ý mà anh V chỉ đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho ông Ph số tiền 20.000.000 đồng để ông Ph làm chi phí chặt đốn, di dời toàn bộ các cây trồng ra khỏi phần đất của ông L.

Anh V đồng ý tự nguyện chịu 2.141.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 600.000 đồng tiền chi phí định giá.

Lời trình bày của bị đơn Lâm Hữu Ph: Trước đây ông L có tranh chấp đất với ông Ph và đã được giải quyết bằng quyết định của UBND tỉnh Đồng Tháp, ông Ph cũng đã thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh Đồng Tháp là di dời nhà và toàn bộ số cây trồng trên đất tranh chấp để trả đất cho ông L, ông L phải trả cho ông Ph với số tiền là 5.070.000 đồng nhưng đến nay ông L vẫn chưa trả cho ông Ph số tiền trên nên ông Ph vẫn còn trồng cây trên đất của ông L.

Qua yêu cầu của ông L thì ông Ph thừa nhận phần đất trên là của ông L nhưng 50 gốc bạch đàn là gốc cây cũ nay chỉ mọc tược mới. Ông Ph chỉ trồng cây mới gồm có 30 cây chuối, 03 cây dừa, 02 cây me chua và 01 bụi tre. Ông Ph đồng ý chặt đốn, di đời toàn bộ các cây trồng trên đất trên nhưng ông Ph yêu cầu ông L phải trả số tiền 5.070.000 đồng và tiền lãi là 23.727.600 đồng, tổng cộng là 28.797.600 đồng (số tiền vào năm 2004 ông L tự nguyện hỗ trợ cho ông Ph nhưng chưa hỗ trợ).

Tại phiên tòa ông Ph thống nhất số cây trồng trên phần đất có diện tích là 653,2 m^2, thuộc một phần thửa 381, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp D, xã A, huyện Tân Hồng do ông L đứng tên quyền sử dụng hiện nay gồm có: 50 gốc bạch đàn đã mọc tược

mới, 03 cây dừa, 01 bụi tre, 02 cây me chua, 02 cây me tây, 06 bụi chuối và 01 cây me nước (theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 02-3- 2021), ông Ph thừa nhận phần đất trên là của ông L và ông Ph cũng đồng ý chặt đốn, di dời tất cả các cây trên đất theo yêu cầu của ông L nhưng ông Ph yêu cầu ông L phải trả cho ông Ph số tiền 50.000.000 đồng để ông Ph chặt đốn, di dời toàn bộ các loại cây trên ra khỏi đất của ông L, vì ông Ph cho rằng số tiền 5.070.000 đồng vào năm 2004 ông Ph vay của người khác để đốn cây trả đất cho ông L mà ông L không thực hiện trả tiền cho ông Ph, nên ông Ph phải trả lãi cho người khác.

Ông Ph yêu cầu xem xét, đo đạc phần đất ruộng của ông Ph để biết rõ diện tích đất của ông Ph thừa hay thiếu, ngoài ra ông Ph không còn yêu cầu gì khác.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tại công văn số 413/UBND-TCD ngày 24-12-2018 về việc cung cấp hồ sơ tranh chấp đất giữa ông Lâm Hữu Ph với ông Lâm Văn L, kèm theo hồ sơ sao y, gồm:

Biên bản tiếp xúc ngày 03-02-2004 có nội dung: Vợ chồng ông Lâm Văn L chấp thuận trả các khoản chi phí sau đây cho gia đình ông Lâm Hữu Ph: Trả tiền cây bạch đàn 700 cây = 3.850.000 đồng; tiền 01 bụi tre = 60.000 đồng; 16 cây chuối = 160.000 đồng; hỗ trợ di dời nhà là 1.000.000 đồng. Tổng cộng 5.070.000 đồng.

Quyết định của UBND huyện Tân Hồng số 980/QĐ-UB ngày 29-10-1999 có nội dung: Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Văn L ngụ ấp D, xã A, diện tích 3.457,53m^2 đất ở. Vị trí: Đông giáp đất ông Đặng Văn L, Tây giáp đất ông Nguyễn Văn D, Nam giáp kênh Tân Thành, Bắc giáp đất ruộng ông L chuyển nhượng cho ông Ph; ông Ph có trách nhiệm di dời nhà, giao trả diện tích đất như ở Điều 1 cho ông L trong thời gian ba tháng kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành; quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đương sự nhận quyết định; giao trách nhiệm cho chủ tịch UBND xã A tổ chức thực hiện quyết định này.

Quyết định số 190/QĐ-UB-NĐ ngày 15-6-2000 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Lâm Hữu Ph với ông Lâm Văn L có nội dung: Điều 1- Chuẩn y quyết định số 890/QĐ.UB ngày 29-10-1999 của UBND huyện Tân Hồng; công nhận diện tích 3.457,5m^2 (thuộc một phần thửa 330, tờ bản đồ 06, xã A, huyện Tân Hồng) cho ông L được quyền sử dụng. Buộc ông Lâm Hữu Ph phải di dời nhà giao lại phần diện tích đất nói trên cho ông Lâm Văn L; Điều 2- Quyết định này là quyết định cuối cùng có hiện lực thi hành kể từ ngày ký. Giao trách nhiệm UBND huyện Tân Hồng tổ chức thi hành quyết định này.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lâm Hữu Ph thừa nhận ông có trồng các cây trên đất của ông L gồm 50 gốc bạch đàn (là cây cũ trước đây đã đốn nay mọc tược mới); cây trồng mới gồm: 06 bụi chuối, 03 cây dừa, 02 cây me chua, 02 cây me tây, 01 bụi tre và 01 cây me nước như nêu trên là có thật và phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06-8-2019 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02-

3-2021. Đối với các cây trồng như nêu trên là thuộc quyền sở hữu của ông Lâm Hữu Ph vì do ông Ph trồng nhưng trồng trên diện tích 653,2m^2 không thuộc quyền sử dụng của mình. Do đây là diện tích đất cây lâu năm được nhà nước cấp quyền sử dụng cho ông Lâm Văn L theo quyết định số 190/QĐ-UB.NĐ ngày 15-6-2000 của UBND tỉnh Đồng Tháp, nên việc ông Lâm Văn L yêu cầu ông Lâm Hữu Ph chặt đốn, di dời các cây trồng ra khỏi phần đất của ông L là có cơ sở và phù hợp pháp luật.

Xét ý kiến của ông Lâm Hữu Ph về việc yêu cầu xem xét đo đạc phần đất ruộng của ông tranh chấp với ông L là không có cơ sở vì không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này; Việc ông Ph yêu cầu phía nguyên đơn phải trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng, lý do thời điểm năm 2004 ông Lâm Văn L không thực hiện việc giao số tiền 5.070.000 đồng cho ông. Xét ý kiến của ông Lâm Hữu Ph là không có cơ sở, bởi vì theo biên bản tiếp xúc ngày 03-2-2004 như nêu trên thì số tiền 5.070.000 đồng được phía nguyên đơn chấp thuận chi trả các khoản chi phí cây trồng và tiền hỗ trợ di dời nhà nhưng ông L chưa thực hiện việc giao tiền cho ông Ph, tại phiên tòa hôm nay anh Lâm Thành V đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tiếp tục hỗ trợ số tiền là 20.000.000 đồng cho ông Lâm Hữu Ph làm chi phí chặt đốn, di dời các cây trồng trên đất, xét thấy sự tự nguyện nêu trên là phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 11, Điều 115 của Bộ luật Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lâm Văn L yêu cầu ông Lâm Hữu Ph phải chặt đốn, di dời 50 gốc bạch đàn đã mọc tược mới, 03 cây dừa, 01 bụi tre, 02 cây me chua, 02 cây me tây, 06 bụi chuối và 01 cây me nước ra khỏi phần đất có diện tích là 653,2 m^2, thuộc một phần thửa 381, tờ bản đồ số 06 do ông Lâm Văn L đứng tên quyền sử dụng. Ông Ph đồng ý chặt đốn, di dời toàn bộ các loại cây trên theo yêu cầu của ông L nhưng ông Ph yêu cầu ông L phải trả cho ông Ph số tiền 50.000.000 đồng để ông Ph chặt đốn, di dời toàn bộ các loại cây trên ra khỏi đất của ông L.

Xét thấy: Các đương sự đều không tranh chấp quyền sử dụng đất mà chỉ tranh chấp các cây trồng trên đất. Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hồng ngày 22-10-2019 thì diện tích đất là 653,2m^2, thuộc một phần thửa 381, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06-8-2019 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02-3-2021 thể hiện toàn bộ các loại cây trồng đang tranh chấp gồm: 50 gốc bạch đàn đã mọc tược mới, 03 cây dừa, 01 bụi tre, 02 cây me chua, 02 cây me tây, 06 bụi chuối và 01 cây me nước đều trồng trên

diện tích 653,2m^2, thuộc một phần thửa 381, tờ bản đồ số 06 do ông L đứng tên quyền sử dụng.

Ông Ph thừa nhận diện tích đất 653,2m^2, thuộc một phần thửa 381, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp là đất của ông L. Ông Ph cũng thừa nhận các loại cây gồm: 50 gốc bạch đàn đã mọc tược mới, 03 cây dừa, 01 bụi tre, 02 cây me chua, 02 cây me tây, 06 bụi chuối và 01 cây me nước là cây ông Ph trồng trên đất của ông L nên yêu cầu của ông L là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của ông L, buộc ông Ph phải chặt đốn, di dời bằng mọi hình thức tất cả các cây trồng (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06-8-2019 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng) trên diện tích 653,2m^2, thuộc một phần thửa 381, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp do ông Lâm Văn L đứng tên quyền sử dụng.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà ông Ph yêu cầu ông L phải trả cho ông Ph vì ông Ph cho rằng vào năm 2004 ông L không thực hiện việc giao số tiền 5.070.000 đồng là số tiền mà ông L tự nguyện hỗ trợ cho ông Ph di dời nhà và các cây trồng trên đất của ông L được cấp quyền sử dụng theo giải quyết của UBND tỉnh Đồng Tháp. Theo biên bản tiếp xúc ngày 03-02-2004 có nội dung: Vợ chồng ông Lâm Văn L chấp thuận trả các chi phí sau đây cho gia đình ông Lâm Hữu Ph: Trả tiền cây bạch đàn 700 cây = 3.850.000 đồng, trả tiền 01 bụi tre = 60.000 đồng, trả tiền 16 cây chuối = 160.000 đồng, hỗ trợ di dời nhà 1.000.000 đồng, tổng cộng là 5.070.000 đồng. Do đó, số tiền 5.070.000 đồng là tiền ông L tự nguyện hỗ trợ cho ông Ph chặt đốn cây và di dời nhà theo quyết định số: 171/QĐ-UB.NĐ ngày 26-3-2004 của UBND tỉnh Đồng Tháp, nay ông Ph yêu cầu ông L phải trả số tiền 50.000.000 đồng vì ông Ph cho rằng số tiền 5.070.000 đồng trước đây ông Ph vay của người khác để chặt đốn cây trả đất cho ông L mà ông L không thực hiện trả tiền cho ông Ph nên ông Ph phải trả lãi cho người khác. Xét thấy số tiền 5.070.000 đồng theo quyết định số: 171/QĐ-UB.NĐ ngày 26-3-2004 của UBND tỉnh Đồng Tháp là ông L tự nguyện hỗ trợ cho ông Ph chặt đốn cây và di dời nhà, không phải là tiền buộc ông L thực hiện nên nay ông Ph yêu cầu ông L phải trả số tiền 50.000.000 đồng để ông Ph chặt đốn, di dời cây ra khỏi phần đất của ông L là không có căn cứ để xem xét. Đồng thời theo quyết định số: 207/QĐ-UBND-NĐ ngày 11-9-2020 của UBND tỉnh Đồng Tháp có nội dung *"Hủy Quyết định số 171/QĐ-UB.NĐ ngày 26-3-2004 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc bổ sung Quyết định số 190/QĐ-UB-NĐ ngày 15-6-2000 của UBND Tỉnh về giải quyết tranh chấp đất giữa ông Lâm Hữu Ph với ông Lâm Văn L (cùng ngụ xã A, huyện Tân Hồng). Lý do: chưa đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định"*.

Tại phiên tòa anh V đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho ông Ph số tiền 20.000.000 đồng để ông Ph làm chi phí chặt đốn, di dời toàn bộ các cây trồng trên đất của ông L.

Xét thấy sự tự nguyện của anh V là có lợi cho ông Ph nên ghi nhận sự tự nguyện của anh V.

Đối với yêu cầu yêu cầu xem xét, đo đạc phần đất ruộng của ông Ph thì không liên quan đến vụ án này nên không xem xét giải quyết, ông Ph có thể yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh V là người đại diện theo ủy quyền của ông L đồng ý tự nguyện chịu 2.141.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (theo Hóa đơn bán hàng ngày 24-10-2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Hồng), ông L đã thanh toán xong nên không xem xét giải quyết.

[4] Nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản: Anh V là người đại diện theo ủy quyền của ông L tự nguyện chịu là 600.000 đồng tiền chi phí định giá (theo Phiếu chi ngày 20-02-2020), ông L đã thanh toán xong nên không xem xét giải quyết.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*". Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Lâm Văn L được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Lâm Hữu Ph phải chịu 300.000 đồng án phí. Nguyên đơn Lâm Văn L không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số: BG/2015 0001941 ngày 16-7-2018, BG/2015 0002141 ngày 07-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 92, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 và Điều 115 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Văn L.

2. Buộc ông Lâm Hữu Ph phải chặt đốn, di dời bằng mọi hình thức tất cả các cây trồng (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06-8-2019 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng) trên diện tích 653,2m^2, thuộc một phần thửa 381, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp do ông Lâm Văn L đứng tên quyền sử dụng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lâm Văn L về việc tự nguyện hỗ trợ cho ông Lâm Hữu Ph số tiền 20.000.000 đồng để ông Ph làm chi phí chặt đốn, di dời tất cả các cây trồng trên đất của ông L.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lâm Văn L tự nguyện chịu 2.141.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (theo Hóa đơn bán hàng ngày 24-10-2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Hồng), ông L đã thanh toán xong.

4. Nghĩa vụ chịu chi phí định giá: Ông Lâm Văn L tự nguyện chịu 600.000 đồng chi phí định giá (theo Phiếu chi ngày 20-02-2020), ông L đã thanh toán xong.

5. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Hữu Ph có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Ông Lâm Văn L không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông Lâm Văn L 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số: BG/2015 0001941 ngày 16-7-2018, BG/2015 0002141 ngày 07-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

6. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26-3-2021).

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương